

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình vận hành đập cao su: Đập cầu Dây Văng,
đập Nậm La, đập Bản Cọ, đập Bản Hải, đập dâng quy hoạch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012; Luật Thủy lợi số năm 2017; Luật Phòng chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020;

Căn cứ Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 tháng 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-BNN-XD ngày 14 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước bản Mòng, tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè suối Nậm La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán kinh phí năm 2023 Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 680/TTr-SNN ngày 13/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình vận hành đập cao su: Đập cầu Dây Văng, đập Nậm La, đập Bản Cọ, đập Bản Hải, đập dâng quy hoạch ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La, Giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, P.KT);
- TT Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công

QUY TRÌNH

**Vận hành công trình đập cao su: Đập cầu Dây Văng, đập Nậm La,
đập Bản Cọ, đập Bản Hải, đập dâng quy hoạch**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Phòng, chống thiên tai;

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2018;

Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Ban hành Quy trình vận hành đập Phai Kẹ, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La;

Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành công trình

Đập cao su có khả năng phồng lên, xẹp xuống để điều tiết mực nước và lưu lượng chảy trên mặt đập theo yêu cầu của người quản lý. Quy trình vận hành đập cao su được tiến hành thông qua máy bơm và hệ thống van khóa đóng mở. Người quản lý phải trực trong suốt thời gian bơm nước làm phồng túi đập và trong quá trình xả nước làm xẹp túi đập để đảm bảo đập vận hành thông suốt, đảm bảo an toàn cho công trình, đặc biệt trong mùa mưa lũ.

Các đập cao su phải đảm bảo vận hành theo chế độ vận hành, điều tiết hồ chứa nước bản Mòng được phê duyệt tại Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nhiệm vụ của hệ thống công trình đập cao su

Để đảm bảo đủ nước tưới và phát huy được thế mạnh của ruộng lúa nước, một trong những khâu quan trọng là phải đảm bảo tưới tiêu nước chủ động cho toàn bộ diện tích hiện có.

Tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp hai bên bờ suối; tạo điểm nhấn đô thị của thành phố Sơn La. Đồng thời có tác dụng cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan văn minh đô thị trong khu vực dự án; tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch thành phố Sơn La.

Điều 4. Các công trình chủ yếu tham gia vận hành

1. Thông số kỹ thuật chính hồ chứa nước Bản Mòng

a) Cấp công trình: Cấp II (Theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT)

b) Tần suất lũ thiết kế : P = 1,0%

c) Tần suất lũ kiểm tra : P = 0,2%

d) Tần suất đảm bảo tưới : P = 75%

e) Tần suất đảm bảo cấp nước công nghiệp, sinh hoạt: P = 90%.

TT	Đặc trưng	Đơn vị	Giá trị
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+662,76
2	Mực nước chết (MNC)	m	+649,5
3	Mực nước lũ thiết kế, P=1% (MNLTk)	m	+668,7
4	Mực nước lũ kiểm tra, P=0,2% (MNLKT)	m	+669,05
5	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	10,19
6	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	8,11
7	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	2,08

(Bảng 1: Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa nước Bản Mòng)

2. Thông số kỹ thuật chính của hệ thống đập cao su

a) Cấp công trình: Công trình thủy lợi, cấp IV (Theo QCVN 04-05: 2022/BNNPTNT).

b) Tần suất lũ thiết kế: $P=2,0\%$.

c) Tần suất lũ kiểm tra: $P=1,0\%$.

d) Tần suất cấp nước tưới: $P=75\%$.

Hệ thống Đập cao su theo thứ tự từ thượng lưu về hạ lưu có các thông số chính như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Thông số thiết kế
1	Diện tích lưu vực suối đến đập số 4	km ²	227
2	Lưu lượng bình quân nhiều năm đến đập số 4	m ³ /s	3,7
3	Thông số các đập		
3.1	<i>Đập Phai Kẹ (thượng lưu Cầu Trắng, cách Cầu Trắng L= 62m)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	+595,11
-	Cao trình bản đáy	m	+592,41
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,7
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+592,71
3.2	<i>Đập số 1 (đập cầu Dây Văng, tại K0+35)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	+591,70
-	Cao trình bản đáy	m	+588,9
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,8
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+589,2
3.3	<i>Đập số 2 (đập Nặm La, tại K0+860)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	+588,40
-	Cao trình bản đáy	m	+585,6
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,8

STT	Thông số	Đơn vị	Thông số thiết kế
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+585,9
3.4	<i>Đập số 3 (đập Bản Cọ, tại K1+660)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	+586,35
-	Cao trình bản đáy	m	+583,55
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,8
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+583,85
3.5	<i>Đập bổ sung (đập dâng quy hoạch, tại K2+250m)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	+584,38
-	Cao trình bản đáy	m	+582,08
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,3
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+582,38
3.6	<i>Đập số 4 (đập bản Hải, tại K2+990)</i>		
-	Hình thức đập		Đập cao su
-	Cao trình đỉnh đập	m	583,03
-	Cao trình bản đáy	m	+580,23
-	Chiều dài đập	m	33
-	Chiều cao lớn nhất ($H_{\max}$)	m	2,8
-	Cống lấy nước (B*H)	m	1,5*1,5 Z=+580,53
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+580,53

(Bảng 2: Thông số chính các công trình tham gia vận hành)

Điều 5. Thời gian các mùa trong năm

Mùa lũ: từ ngày 15 tháng VI đến ngày 31 tháng X hàng năm.

Mùa cạn: từ ngày 01 tháng XI năm trước đến ngày 14 tháng VI năm sau.

Chương II

VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC

Mục 1

VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC TRONG MÙA KHÔ

Điều 6. Trường hợp nguồn nước đảm bảo yêu cầu dùng nước

1. Trình tự, thời gian vận hành các đập

Chế độ vận hành: Vận hành dần từng đập theo thứ tự từ đập số 4 ngược lên.

Trình tự vận hành: Nâng cao đập bằng cách làm căng phòng túi đập cao su. Tùy thuộc vào yêu cầu điều tiết sử dụng nước thực tế mà nâng cao trình đỉnh đập cho phù hợp, tuy nhiên khi có nước trào ra ở các ống điều áp phía tường bên và trụ pin thì dừng bơm (lúc này cao trình đỉnh đập đạt đến cao trình thiết kế).

Thời gian vận hành: trong mùa cạn, thời gian cho một lần vận hành làm căng phòng túi đập đến cao trình thiết kế: ~2,5h. Dung tích cần dùng cho một lần làm căng phòng túi đập cao su ~ 400m³.

2. Mức nước tại các đập

Giữ cao trình đỉnh đập dâng số 4 theo cao trình thiết kế là +583,03m. Mở cửa van công lấy nước tại đập dâng số 4 để lấy nước tưới theo nhu cầu tưới. Các đập dâng khác giữ cao trình đỉnh đập theo thiết kế.

Khi đập đang vận hành ở cao trình thiết kế có thể cho phép nước tràn qua đỉnh đập, tuy nhiên để không sinh ra chân không sau đập, cột nước trên đỉnh đập không vượt quá 0,5m, trường hợp cột nước trên đỉnh đập cao hơn thì cần phải hạ cao trình đỉnh đập.

3. Lưu lượng cần lấy qua công lấy nước: Tại đập dâng số 4, mở cửa công lấy nước tối đa theo nhu cầu dùng nước của hệ thống.

Điều 7. Trường hợp nguồn nước không đảm bảo yêu cầu dùng nước

1. Mức độ đảm bảo cấp nước theo thứ tự ưu tiên đối với các đối tượng dùng nước: Ưu tiên đảm bảo yêu cầu dùng nước của sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

2. Các giải pháp: Điều tiết sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo cấp nước cho các đối tượng theo mức độ ưu tiên.

3. Trình tự, thời gian vận hành các đập

Chế độ vận hành: Vận hành dần từng đập theo thứ tự từ đập số 4 ngược lên.

Trình tự vận hành: Mở cửa van công lấy nước tại đập số 4, các đập còn lại theo thứ tự từ đập số 4 ngược lên tiến hành hạ cao trình đỉnh đập đối với từng đập phù hợp để xả nước sao cho mực nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình +583,03m. Trong thời kỳ này, theo thứ tự từ đập số 4 ngược lên cần giữ cao

trình đỉnh đập phù hợp để giữ nước tạo cảnh quan đô thị theo nhiệm vụ thiết kế.

Thời gian vận hành: trong mùa cạn, thời gian làm xệp đập do tự chảy nước trong túi đập ra xệp hoàn toàn khoảng 3h, xệp đập bằng động lực khoảng 2,5h.

4. Mức nước tại các đập: Đảm bảo mức nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình thiết kế là +583,03m.

5. Lưu lượng cần lấy qua cống lấy nước: Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của hệ thống theo thiết kế.

Điều 8. Trường hợp khi xảy ra hạn hán, thiếu nước

1. Mức độ đảm bảo cấp nước theo thứ tự ưu tiên đối với các đối tượng dùng nước: Ưu tiên đảm bảo yêu cầu dùng nước của sinh hoạt, sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

2. Các giải pháp

Trong mùa kiệt Đơn vị quản lý khai thác, vận hành công trình thủy lợi phải lập kế hoạch cấp nước, trong đó đặc biệt lưu ý cần sự phối hợp chặt chẽ với các vùng hưởng lợi để căn cứ thời vụ cây trồng lấy nước qua cống lấy nước tại đập dâng số 4 tạo nguồn cho công tác tưới. Kết hợp tạo cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường, thanh thải lòng suối khi cần thiết.

Tích, trữ nước sớm để đảm bảo đủ nước trong các thời kỳ dùng nước thời kỳ mùa khô (tối thiểu trước 20 ngày). Điều tiết sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo cấp nước cho các đối tượng theo mức độ ưu tiên.

3. Trình tự, thời gian vận hành các đập

Trình tự vận hành: Làm căng phòng đập cao su số 4 đến cao trình đỉnh thiết kế là +583,03m. Tiến hành hạ hoàn toàn cao trình từng đập dâng nước theo thứ tự từ đập dâng số 4 ngược lên đến khi mức nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình tưới tối thiểu +582,03m.

4. Mức nước tại các đập

Mức nước tối thiểu tại các đập Phai Kẹ là +592,7m, đập 1 là +590,6m, đập 2 là +588,4m, đập 3 là +586,35m, đập quy hoạch là +584,38m.

Đảm bảo mức nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình tưới tối thiểu là +582,03m.

5. Lưu lượng cần lấy qua cống lấy nước: Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước tối thiểu của hệ thống theo thiết kế.

Điều 9. Trường hợp đặc biệt

1. Khi dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến hệ thống đập cao su: Cần phải làm xệp đập hoàn toàn để tránh bị ngập lũ ở thượng lưu, đồng thời đảm bảo an toàn cho túi đập không bị cây cối đâm vào. Trong quá trình xệp đập cần mở van xả khi để tránh không khí dồn vào hai đầu đập.

2. Trường hợp công trình chính gặp sự cố, xuất hiện sự cố môi trường

Khi một trong các đập bị sự cố không nâng lên được sẽ có nguy cơ làm sụt giảm cột nước đáng kể, vì vậy các đập khác cần đóng kín giữ nước. Đồng thời cần phải nhanh chóng tổ chức, khắc phục sự cố kịp thời, có giải pháp dẫn nước cấp cho hệ thống tưới từ đập gần nhất.

Khi một trong các đập bị sự cố không hạ được, đồng thời dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến hệ thống đập sẽ có nguy cơ làm hỏng đập vì vậy cần phải nhanh chóng tổ chức, khắc phục sự cố kịp thời.

Khi có sự cố ô nhiễm môi trường nước tại hạ lưu các đập, theo yêu cầu thực tế xem xét điều tiết bổ sung nước từ đập phía trên gần nhất với khu vực ô nhiễm để pha loãng và thoát các chất ô nhiễm về hạ lưu nhưng phải đảm bảo mực nước thiết kế tại đập dâng số 4 là +583,03m.

Khi có sự cố ô nhiễm môi trường nước tại thượng lưu các đập, theo yêu cầu thực tế xem xét điều tiết nước thải về hạ lưu nhưng phải đảm bảo mực nước thiết kế tại đập dâng số 4 là +583,03m.

Mục 2

VẬN HÀNH TỬƠI, CẤP NƯỚC TRONG MÙA MƯA

Điều 10. Trong điều kiện thời tiết bình thường

1. Trình tự, thời gian vận hành các đập

Kiểm tra công trình trước mùa mưa lũ, trong mùa mưa lũ và sau mùa mưa lũ, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành được an toàn.

Giữ cao trình đỉnh đập dâng số 4 theo cao trình thiết kế là +583,03m. Mở cửa van cống lấy nước tại đập dâng số 4 để lấy nước tưới theo nhu cầu tưới.

Khi đập đang vận hành ở cao trình thiết kế có thể cho phép nước tràn qua đỉnh đập, tuy nhiên để không sinh ra chân không sau đập, cột nước trên đỉnh đập không vượt quá 0,5m, trường hợp cột nước trên đỉnh đập cao hơn thì cần phải hạ cao trình đỉnh đập.

2. Mực nước tại các đập: Đảm bảo mực nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình +583,03m. Trong thời kỳ này, theo thứ tự từ đập số 4 ngược lên cần giữ cao trình đỉnh đập phù hợp để giữ nước tạo cảnh quan đô thị theo nhiệm vụ thiết kế.

3. Lưu lượng cần lấy qua cống lấy nước: Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của hệ thống theo thiết kế.

Điều 11. Trong trường hợp thời tiết không bình thường, nắng kéo dài, diện tích hạn phát triển rộng

1. Quy định về chế độ, trình tự, thời gian vận hành các công trình

Khi dự báo có tin dự báo thời tiết có thể nắng nóng kéo dài, diện tích hạn phát triển rộng, đơn vị quản lý khai thác, vận hành phải lập kế hoạch cấp nước, tích nước đảm bảo nguồn nước tưới cho hệ thống.

Giữ cao trình đỉnh đập dâng số 4 theo cao trình thiết kế là +583,03m. Mở cửa van công lấy nước tại đập dâng số 4 để lấy nước tưới theo nhu cầu tưới.

Khi đập đang vận hành ở cao trình thiết kế có thể cho phép nước tràn qua đỉnh đập, tuy nhiên để không sinh ra chân không sau đập, cột nước trên đỉnh đập không vượt quá 0,5m, trường hợp cột nước trên đỉnh đập cao hơn thì cần phải hạ cao trình đỉnh đập.

2. Mức nước tại các đập: Đảm bảo mức nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình +583,03m.

3. Lưu lượng cần lấy qua công lấy nước: Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của hệ thống theo thiết kế.

Điều 12. Khi dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn có khả năng gây ngập lụt, ứng ứng

1. Quy định về chế độ, trình tự, thời gian vận hành các đập: Khi dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến sự an toàn của các đập cao su, cần phải xếp đập hoàn toàn các đập để tiêu thoát nước tối đa.

2. Mức nước tại các đập: Đảm bảo các đập mở hoàn toàn để tiêu thoát lũ.

3. Lưu lượng cần lấy qua công lấy nước: Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của hệ thống theo thiết kế.

Chương III

VẬN HÀNH TIÊU, THOÁT NƯỚC

Mục 1

VẬN HÀNH TIÊU NƯỚC TRONG MÙA KHÔ

Điều 13. Trường hợp đang dẫn nước tưới cho toàn hệ thống và có khu vực cần tiêu nước cục bộ

1. Chế độ, trình tự, thời gian vận hành các đập

Chế độ vận hành: Vận hành dần từng đập theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu.

Khi hệ thống đang vận hành cấp nước tưới, nếu có yêu cầu về tiêu thoát nước cục bộ, vận hành các đập kiểm soát khu vực cần tiêu nước đến cao trình phù hợp để hỗ trợ tiêu nước theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu nhưng phải đảm bảo mức nước trước đập dâng số 4 đủ mức nước tưới thiết kế. Kết thúc quá trình tiêu nước đưa cao trình các đập về cao trình đỉnh thiết kế.

Thời gian vận hành: trong mùa cạn. Thời gian làm xếp đập do tự chảy nước trong túi đập ra xếp hoàn toàn khoảng 3h, xếp đập bằng động lực khoảng 2,5h.

2. Mức nước tại các đập: Hạ dần cao trình đỉnh đập khu vực cần tiêu nước

đến cao trình phù hợp để hỗ trợ tiêu nước theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu. Đảm bảo mực nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình +583,03m.

Điều 14. Vận hành công trình tiêu sau mỗi đợt tưới

1. Chế độ, trình tự, thời gian vận hành các đập

Chế độ vận hành: Vận hành dần từng đập theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu.

Sau mỗi đợt tưới, nếu có yêu cầu tiêu nước, vận hành các đập kiểm soát khu vực cần tiêu nước đến cao trình phù hợp để hỗ trợ tiêu nước theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu nhưng phải đảm bảo mực nước trước đập dâng số 4 đảm bảo mực nước tưới thiết kế tối thiểu. Kết thúc quá trình tiêu nước đưa cao trình các đập về cao trình đỉnh thiết kế.

Thời gian vận hành: trong mùa cạn. Thời gian làm xệp đập do tự chảy nước trong túi đập ra xệp hoàn toàn khoảng 3h, xệp đập bằng động lực khoảng 2,5h.

2. Mực nước tại các đập

Hạ dần cao trình đỉnh đập khu vực cần tiêu nước đến cao trình phù hợp để hỗ trợ tiêu nước theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu. Đảm bảo mực nước trước đập dâng số 4 đạt cao trình từ +582,03 đến +583,03m.

Mục 2

VẬN HÀNH TIÊU NƯỚC TRONG MÙA MƯA

Điều 15. Vận hành thoát lũ

1. Trình tự, thời gian vận hành các đập

Chế độ vận hành: Vận hành dần từng đập theo thứ tự từ đập thượng lưu về hạ lưu.

Khi hồ Bản Mòng tiến hành xả nước phòng, chống lũ hoặc khi dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến sự an toàn của các đập cao su, cần phải xệp đập hoàn toàn các đập để tiêu thoát nước tối đa.

Các đập mở hoàn toàn đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ tối đa đảm bảo mực nước cao nhất thiết kế tương ứng với lũ 2% tại đập Phai Kẹ là +596,6m, đập 1 là +593,5m, đập 2 là +590,9m, đập 3 là +588,9m, đập quy hoạch là +587,3m, đập 4 là +586,4m.

Thời gian vận hành: trong mùa lũ. Thời gian làm xệp đập do tự chảy nước trong túi đập ra xệp hoàn toàn khoảng 3h, xệp đập bằng động lực khoảng 2,5h.

2. Mực nước tại các đập: Đảm bảo các đập mở hoàn toàn để tiêu thoát lũ.

Điều 16. Vận hành trong trường hợp đặc biệt

1. Trình tự, thời gian vận hành các công trình: Khi một trong các đập bị sự cố không hạ được, đồng thời dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến hệ thống đập sẽ có nguy cơ làm hỏng đập và làm gia tăng

mực nước suối Nậm La gây ngập lụt vì vậy cần phải nhanh chóng tổ chức, khắc phục sự cố kịp thời.

2. Mực nước tại các đập: Đảm bảo mực nước cao nhất tại cầu 308 không vượt mực nước báo động cấp III là +596,2m.

Chương IV

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN

Điều 17. Quy định các trạm, điểm đo và theo dõi lượng mưa, mực nước, độ mở

Đơn vị được giao quản lý khai thác công trình phải thu thập, quan trắc, đo đạc, lập sổ theo dõi độ mở các đập, cống lấy nước tưới, mực nước thượng hạ lưu đập, mực nước tại trên đỉnh đập, cống lấy nước; lượng mưa và các yếu tố khí tượng thủy văn khác theo Quy phạm, Tiêu chuẩn ngành 14TCN 49-86 và 14TCN 55-88 và các quy định hiện hành.

Điều 18. Quy định chế độ quan trắc theo mùa, vụ sản xuất

Chế độ quan trắc theo mùa, vụ sản xuất do đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong hệ thống quyết định theo các Quy phạm, Tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo phục vụ vận hành hệ thống và chỉ đạo sản xuất.

Điều 19. Quy định đo kiểm tra định kỳ, chất lượng nước của hệ thống

Kết thúc các đợt xả lũ và sau mùa lũ hàng năm, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình đánh giá, tổng kết các đợt xả lũ (lưu lượng xả, thời gian xả, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du ...).

Hàng năm, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình tiến hành thu thập, đo đạc, tính toán lưu lượng và tổng lượng lũ đến đập; đo đạc kiểm tra lưu lượng và tổng lượng nước đến mùa kiệt của đập.

Hàng năm, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình phải tính toán và dự báo lượng nước đến đập làm cơ sở để lập kế hoạch tích, cấp, xả nước.

Điều 20. Quy định chế độ báo cáo, sử dụng và lưu trữ tài liệu KTTV

Các tài liệu quan trắc hàng năm phải được chỉnh lý và đưa vào lưu trữ, 01 bản tại trạm, 01 bản tại đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Điều 21. Quy định chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc KTTV

Công trình quan trắc phải được bảo dưỡng thường xuyên và đột xuất khi cần thiết, khi bảo dưỡng phải hạn chế tối đa sự gián đoạn quan trắc số liệu. Trong quá trình sử dụng phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn định kỳ theo quy định tại Thông tư số 44/2015/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 22. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân đối với việc vận hành hệ thống

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Chỉ đạo các cơ quan liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với đơn vị được giao quản lý khai thác công trình thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

2. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La

a) Trình UBND tỉnh quyết định giải pháp xử lý khẩn cấp khi công trình có nguy cơ mất an toàn.

b) Theo dõi diễn biến tình hình mưa lũ và việc vận hành công trình để chỉ đạo phòng chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du.

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La

a) Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ đơn vị được giao quản lý khai thác công trình thực hiện các quy định trong Quy trình này.

b) Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Sơn La khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

c) Trình UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La

a) Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan tại địa phương phối hợp với đơn vị được giao quản lý khai thác công trình thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

b) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này.

c) Thực hiện phương án đảm bảo an toàn hạ du khi xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố khẩn cấp.

d) Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong quy trình này và tham gia phòng chống lụt bão, bảo vệ an toàn công trình.

e) Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với đơn vị được giao quản lý khai thác công trình, phòng, chống lụt bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

5. Đơn vị được giao quản lý khai thác công trình

a) Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong quy trình này.

b) Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc sự cố, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình, phải triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La, Sở NN&PTNT, các sở ngành có liên quan, UBND thành phố Sơn La và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp và nhân dân để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

c) Sau mùa lũ hàng năm, lập báo cáo tổng kết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và PTNT, về việc thực hiện quy trình vận hành công trình; Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đập cao su thành phố Sơn La, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

d) Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, phải lập Báo cáo hiện trạng an toàn đập gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La để theo dõi, quản lý theo quy định.

e) Trước mùa lũ hàng năm, lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt bão. Nếu có sự thay đổi phải trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

g) Trước khi vận hành đóng, mở, phải thông báo cho chính quyền địa phương và nhân dân vùng hạ du bị ảnh hưởng để chủ động phòng tránh.

h) Chịu trách nhiệm về công tác phòng chống lụt bão cho công trình và hạ du, cụ thể:

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.

- Kiểm tra tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

- Thi hành lệnh của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và Giảm nhẹ thiên tai tỉnh Sơn La. Trong trường hợp lệnh của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai tỉnh Sơn La trái với quy định này, phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

i) Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, lập kế hoạch xả, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

- Tình trạng làm việc của các công trình thủy công.

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ.

- Phương án và các phương tiện thông tin liên lạc.

- Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

- Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

- Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ cho các chức danh có liên quan như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử.

- Phối hợp với các cơ quan ở địa phương của tỉnh Sơn La để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng chống lụt bão, đặc biệt là với nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình.

- Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La, và cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện những công tác trên.

Điều 23. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn đối với việc huy động nhân lực, vật tư để ứng cứu, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn công trình của các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền

1. Lệnh vận hành công trình các đập cao su thành phố Sơn La, nếu trái với các quy định trong quy trình này, dẫn đến hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và PTNT và thông báo cho Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La và nhân dân ở thượng, hạ lưu công trình để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

3. Tháng 4, 5 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Đơn vị được giao quản lý khai thác công trình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi chỉ đạo.

4. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 15 tháng 5, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Thời điểm thi hành quy trình vận hành hệ thống

Quy trình vận hành có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 25. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hệ thống

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hệ thống đập cao su thành phố Sơn La, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị được giao

quản lý khai thác công trình, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

Điều 26. Hình thức xử lý vi phạm quy trình vận hành hệ thống theo quy định của pháp luật

Theo Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; thủy lợi; đê điều. Và một số pháp luật khác có liên quan./.